

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025;

Xét Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung một số điều của Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 182/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025, cụ thể:

1. Bổ sung khoản 4 vào Điều 1 Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

Tổng diện tích quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 là 197.777,46 ha; trong đó:

- Rừng đặc dụng: 41.695,46 ha;

- Rừng phòng hộ: 116.172,00 ha;

- Rừng sản xuất: 39.910,00 ha.

2. Bổ sung Phụ lục X vào phần Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Các nội dung còn lại không đề cập tại nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện nghị quyết này theo quy định của pháp luật; công bố, công khai điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tại địa phương, xác định cụ thể tọa độ, vị trí, cắm mốc giao rừng đảm bảo quy định pháp luật; hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nghị quyết này.

- Đối với đất rừng đặc dụng đến năm 2020 thấp hơn hơn 631,54 ha (trong đó: 171,26 ha đã được cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương chuyển đổi đất rừng để thực hiện 13 dự án tại Vườn Quốc gia Núi Chúa; 460,28 ha do phương pháp đo đạc, tính toán bị sai lệch) so với Nghị quyết số 113/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ. Để phù hợp chỉ tiêu sử dụng đất theo đúng tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, giải trình cụ thể với các Bộ, ngành liên quan về nguyên nhân giảm diện tích rừng đặc dụng, đề báo cáo Chính phủ xem xét điều chỉnh diện tích đất rừng đặc dụng cho phù hợp với diện tích thực tế hiện có; báo cáo kết quả cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Trường hợp Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2021 - 2025) tỉnh Ninh Thuận, khi số liệu có thay đổi, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thanh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC X
**TỔNG HỢP NHU CẦU CHUYÊN ĐỒI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TỈNH NINH THUẬN, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
	Tổng cộng (100 dự án và 24 xã)		6.429,47	960,05	5.469,42	1,90	
I	Đất an ninh, quốc phòng (06 dự án)		79,14	77,24	1,90		
1	Công trình quốc phòng, xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	Quyết định số 239/QĐ-BTL ngày 04/02/2016 của Tư lệnh quân khu 5	65,92	65,92			
2	Thao trường huấn luyện núi U Ran, xã Phước Bình, huyện Bác Ái	Quyết định số 239/QĐ-BTL ngày 04/02/2016 của Tư lệnh quân khu 5	1,90	1,90			
3	Thao trường huấn luyện xã Phước Đại, huyện Bác Ái	Quyết định số 239/QĐ-BTL ngày 04/02/2016 của Tư lệnh quân khu 5	3,08	1,30	1,78		
4	Thao trường huấn luyện xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam	Quyết định số 239/QĐ-BTL ngày 04/02/2016 của Tư lệnh quân khu 5	2,28	2,28			
5	Thao trường huấn luyện xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	Quyết định số 239/QĐ-BTL ngày 04/02/2016 của Tư lệnh quân khu 5	1,02	0,90	0,12		
6	Thao trường huấn luyện xã Phước Thành, huyện Bác Ái	Quyết định số 239/QĐ-BTL ngày 04/02/2016 của Tư lệnh quân khu 5	4,94	4,94			
II	Dự án du lịch (04 dự án)						
1	Khu du lịch Cà Ná Star	Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND tỉnh	15,00	15,00			Đang lập hồ sơ đánh giá hiện trạng rừng

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
2	Khu du lịch Mũi Dinh Ecopark	Văn bản số 3841/UBND-KGVX ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 24/4/2017	7,36		7,36		Đang lập hồ sơ đánh giá hiện trạng rừng
3	Khu du lịch Resort Spa nhỏ, trang trại trồng nho, nhà máy rượu vang nhỏ Ninh Thuận	Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 06/7/2012 của UBND tỉnh	38,97		38,97		Đã thực hiện
4	Khu du lịch sinh thái hồ Ba Bể (Tanyoli)	Văn bản số 966/UBND-KGVX ngày 22/3/2017 của UBND tỉnh	21,63		21,63		Đang lập hồ sơ đánh giá hiện trạng rừng
III	Dự án giao thông (24 dự án)		114,59		27,26	87,33	
1	Đường bộ cao tốc Bắc Nam	Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 1/3/2016; Văn bản số 2713/UBND-QHXD ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh	59,72		14,05	45,67	
2	Đường DH1 đi xã Phước Thắng, huyện Bác Ái	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	2,22		0,01	2,21	
3	Đường đi khu sản xuất thôn Mã Tiên, xã Phước Tiến, huyện Bác Ái	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	1,17			1,17	
4	Đường đi xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc.	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	0,23			0,23	
5	Đường giao thông khu trung tâm huyện Bác Ái	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	5,74		0,55	5,19	
6	Đường khu trung tâm xã Phước Tân, huyện Bác Ái	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	7,86			7,86	
7	Đường liên thôn Ma Ty, xã Phước Tân đi thôn Suối Rua, xã Phước Tiên, huyện Bác Ái	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	0,81			0,81	

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
8	Đường liên xã Phước Đại - Phước Tân, huyện Bắc Ái	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017; Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh	8,01		6,14	1,87	Đang lập hồ sơ đánh giá hiện trạng rừng
9	Đường liên xã Phước Đại - Phước Trung, huyện Bắc Ái	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	7,01		3,08	3,93	
10	Đường liên xã Phước Tân - Phước Hòa, huyện Bắc Ái (DH4)	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	4,62			4,62	
11	Đường liên xã Phước Tân - Phước Tiến, huyện Bắc Ái	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	1,39			1,39	
12	Đường nội đồng thôn Suối Khô 4, xã Phước Chính, huyện Bắc Ái	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	0,02		0,02		
13	Đường nội đồng thôn Suối Khô 6 (nối DH1), xã Phước Chính, huyện Bắc Ái	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	0,78			0,78	
14	Đường nội đồng vào khu sản xuất suối Lưỡi Mấu, xã Phước Tân, huyện Bắc Ái	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	0,18			0,18	
15	Đường sản xuất thôn Mã Tiên, xã Phước Tiến đi thôn Trà Co 1, xã Phước Tiến, huyện Bắc Ái	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	1,22			1,22	
16	Đường thôn Ma Rớ, xã Phước Thành, huyện Bắc Ái	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	0,79		0,79		
17	Đường trung tâm hành chính xã Trì Hải, huyện Ninh Hải	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	0,07		0,07		
18	Đường từ Quán Thè, xã Phước Minh đi sông Biêu, xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam (H53)	Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh	1,26		0,09	1,17	
19	Đường từ thôn Trà Co, xã Phước Tiến đi xã Phước Hòa, huyện Bắc Ái	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	2,74			2,74	

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
20	Đường từ Trung tâm hành chính huyện Thuận Nam đến đường ven biển (H52)	Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh	6,02			6,02	
21	Đường từ xã Công Hải đi thôn Ma Trại, xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	1,97		1,97		
22	Đường vào bãi rác nghĩa địa Ma Lâm, xã Phước Tân, huyện Bác Ái	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	0,01		0,01		
23	Đường vào hồ thủy điện tích năng Bác Ái	Văn bản số 263/TTg-KTN ngày 28/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ	0,48		0,48		
24	Đường vào thủy điện Tân Mỹ 1	Quyết định số 4223/QĐ-BNN-XD ngày 31/12/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Quyết định 325/QĐ-BCT ngày 17/01/2013 của Bộ Công Thương	0,27			0,27	
IV	Dự án năng lượng (14 dự án)		421,50		35,05	386,45	
1	Điện gió Công Hải	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017; Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh	0,62			0,62	
2	Điện mặt trời Ninh Phước 2 (Phước Thái 1, 2, 3)	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017; Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh	1,91			1,91	Đang lập hồ sơ đánh giá hiện trạng rừng
3	Điện mặt trời Ninh Phước 3	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	161,73			161,73	
4	Điện mặt trời Ninh Sơn 5 giai đoạn 1	Quyết định số 357/QĐ-UBND và Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh	18,15			18,15	Đã thực hiện

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
5	Điện mặt trời Ninh Sơn 5 giai đoạn 2	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	36,83			36,83	Đang lập hồ sơ đánh giá hiện trạng rừng
6	Điện mặt trời Thuận Nam 13	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	47,73		0,26	47,47	
7	Điện mặt trời Thuận Nam 4 (hồ Núi Mọt)	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	48,55			48,55	
8	Điện mặt trời Thuận Nam 9, 22, 23 (hồ Bàu Ngủ)	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	8,41			8,41	
9	Đường dây 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm	Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 3794/UBND-KTN ngày 07/8/2014 của UBND tỉnh	29,85		13,20	16,65	Đang lập hồ sơ đánh giá hiện trạng rừng
10	Đường dây 22 kV đầu nối thủy điện Tân Mỹ 1	Quyết định số 4223/QĐ-BNN-XD ngày 31/12/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Quyết định 325/QĐ-BCT ngày 17/01/2013 của Bộ Công thương	0,37			0,37	Đang lập hồ sơ đánh giá hiện trạng rừng
11	Đường dây 22 kV phục vụ thi công thủy điện tích năng Bắc Ái	Văn bản số 263/TTg-KTN ngày 28/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ	2,58			2,58	
12	Đường dây 500 kV Vân Phong - Vĩnh Tân	Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 5053/UBND-KTN ngày 24/10/2013 của UBND tỉnh	42,55		20,11	22,44	
13	Thủy điện Tân Mỹ 1	Quyết định số 4223/QĐ-BNN-XD ngày 31/12/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Quyết định 325/QĐ-BCT ngày 17/01/2013 của Bộ Công thương	2,64			2,64	

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
14	Thủy điện tích năng Bác Ái	Văn bản số 263/TTg-KTN ngày 28/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 1674/TTg-KTN ngày 18/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ	19,58	1,48	18,10		
V	Dự án thủy lợi (04 dự án)		164,45	8,63	155,82		
1	Hệ thống kênh cấp II, III Sóng Biều	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	5,93		5,93		
2	Hồ hiện trạng (hồ Sóng Biều, hồ Trà Co)		4,53		4,53		
3	Hồ Sóng Than, xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn	Quyết định số 03/QĐ-HĐND ngày 30/3/2017 của HĐND tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; Văn bản số 5378/BNN-TCTL ngày 30/6/2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT	146,22	1,19	145,03		Đang lập hồ sơ đánh giá hiện trạng rừng
4	Kênh thủy lợi Tân Mỹ giai đoạn 2	Quyết định số 4223/QĐ-BNN-XD ngày 31/12/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT	7,77	7,44	0,33		
VI	Đất nghĩa trang (09 dự án)		13,55	3,97	9,58		
1	Nghĩa trang 2 thôn Ma Ty - Đá Trắng, xã Phước Tân, huyện Bác Ái	Văn bản số 253/TB-VPUB ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh	0,16		0,16		
2	Nghĩa trang mở rộng thôn Tân Lập, xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	1,75		1,75		
3	Nghĩa trang Suối Rùa, xã Phước Tiên, huyện Bác Ái	Văn bản số 253/TB-VPUB ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh	2,05		2,05		

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
4	Nghĩa trang Tân Mỹ, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	0,15		0,15		
5	Nghĩa trang thôn Do, xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	0,27			0,27	
6	Nghĩa trang thôn Hà Dài, xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	0,15		0,15		
7	Nghĩa trang xã Phước Đại, huyện Bắc Ái	Văn bản số 253/TB-VPUB ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh	4,99			4,99	
8	Nghĩa trang xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	3,67		3,67		
9	Nghĩa trang Xóm Đền, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	0,36			0,36	
VII	Dự án công nghiệp (03 dự án)		205,14		179,63	25,51	
1	Cụm công nghiệp Phước Tiến, huyện Bắc Ái	Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của UBND tỉnh; Văn bản số 3581/UBND-KT ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh	25,51			25,51	
2	Khu công nghiệp Cà Ná	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	175,67		175,67		
3	Quy hoạch phân khu xây dựng cảng tổng hợp Cà Ná	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017	3,96		3,96		
VIII	Dự án khoáng sản (28 dự án)		578,09		154,85	423,24	
1	Mỏ đá chẻ xây dựng Khu vực 2 núi Bà Râu	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	15,69		15,69		

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
2	Mỏ đá chẻ xây dựng Khu vực Quán Thè	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	7,85		7,85		
3	Mỏ đá chẻ xây dựng Khu vực 1 núi Bà Râu	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	47,25		47,25		
4	Mỏ đá chẻ xây dựng Khu vực núi Ông Ngai	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	67,37		0,26	67,11	
5	Mỏ đá granite ốp lát - Phía Bắc núi Mavieck (Công ty TNHH xây dựng thương mại Nam Khánh)	Văn bản số 112/HĐND-VP ngày 21/10/2010 của HĐND tỉnh	25,30		25,30		
6	Mỏ đá granite ốp lát - Phía Đông Bắc Núi Mavieck (Công ty TNHH xây dựng thương mại Nam Khánh)	Văn bản số 112/HĐND-VP ngày 21/10/2010 của HĐND tỉnh	1,12			1,12	
7	Mỏ đá granite ốp lát núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam (Công ty Cổ phần Thành Kim)	Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của UBND tỉnh	10,64			10,64	
8	Mỏ đá granite ốp lát núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam (Công ty Cổ phần Nam Châu Sơn Ninh Thuận)	Văn bản số 914/BTNMT-ĐCKS ngày 06/03/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	24,54		24,54		
9	Mỏ đá granite ốp lát núi Mavieck (Công ty Cổ phần Nam Châu Sơn Ninh Thuận)	Văn bản số 914/BTNMT-ĐCKS ngày 06/03/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	1,04		1,04		
10	Mỏ đá ốp lát núi Chà Bang (Công ty Cổ phần khai thác chế biến khoáng sản Phan Rang)	Quy hoạch khoáng sản phân tán nhỏ lẻ của tỉnh	11,38		11,38		
11	Mỏ đá Tà Năng (Công ty TNHH Thuận Thành)	Văn bản số 387/TTg-KTN ngày 18/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ	11,79			11,79	

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
12	Mỏ đá xây dựng - Khu vực núi Chà Bang (Công ty Cổ phần khoáng sản Pha Lê)	Văn bản số 112/HĐND-VP ngày 21/10/2010 của HĐND tỉnh	16,44			16,44	
13	Mỏ đá xây dựng - Khu vực núi Chà Bang (Công ty Cổ phần xây dựng An Khánh)	Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 14/4/2010 của UBND tỉnh	15,92			15,92	
14	Mỏ đá xây dựng - Khu vực núi Tà Liên (Công ty TNHH Quang Lộc)	Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND ngày 16/10/2015 của UBND tỉnh; Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 14/6/2010 của UBND tỉnh	4,15			4,15	Đã thực hiện
15	Mỏ đá xây dựng Khu vực núi Gió, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn (Công ty TNHH Sông Trà)	Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của UBND tỉnh	0,81			0,81	
16	Mỏ đá xây dựng Khu vực núi Ông Ngai	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	121,00			121,00	
17	Mỏ đá xây dựng núi Cô Lô	Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 27/02/2009 của UBND tỉnh	31,75			31,75	
18	Mỏ đá xây dựng núi Cô Lô (Tây Ka Rôm)	Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 27/02/2009 của UBND tỉnh	30,63			30,63	
19	Mỏ đá xây dựng núi Giác Lan	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	0,11		0,11		
20	Mỏ đá xây dựng núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam (Công ty TNHH xây dựng Long Thuận Phát)	Văn bản số 1255/UBND-KT ngày 28/3/2013 của UBND tỉnh	10,21		10,21		
21	Sét gạch ngói khu vực xã Phước Thắng, huyện Bắc Ai	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	6,08			6,08	

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
22	Sét gạch ngói khu vực xã Phước Tiến, huyện Bác Ái	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	67,69			67,69	
23	Vật liệu san lấp - Khu vực xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	13,44			13,44	
24	Vật liệu san lấp - Khu vực xã Phước Chính, huyện Bác Ái	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	6,22		6,22		
25	Vật liệu san lấp - Khu vực xã Phước Minh, huyện Thuận Nam	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	3,97		3,97		
26	Vật liệu san lấp - Khu vực xã Phước Tân, huyện Bác Ái	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	0,27			0,27	
27	Vật liệu san lấp - Khu vực xã Phước Tiến, huyện Bác Ái	Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh	24,40			24,40	
28	Vật liệu san lấp - Mô đất Tây núi Chà Bang (Công ty TNHH Vạn Phú Lộc)	Giấy phép khai thác khoáng sản số 16/GP-UBND ngày 08/6/2016 của UBND tỉnh	1,03		1,03		
IX	Các dự án khác (08 dự án)		651,39		3,40	647,99	
1	Dự án nông nghiệp công nghệ cao (Công ty TNHH Long Vân Ninh Thuận)	Văn bản số 2464/UBND-TCD ngày 23/6/2017 của UBND tỉnh; Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh	173,68			173,68	Đã thực hiện
2	Dự án nông nghiệp công nghệ cao Nitatech	Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 02/4/2018	42,10			42,10	Đã thực hiện
3	Khu vui chơi, giải trí xã Tri Hải, huyện Ninh Hải	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	0,21		0,21		
4	Làng Thanh niên lập nghiệp, xã Phước Đại, huyện Bác Ái	Văn bản số 3185/UBND-QHXD ngày 5/7/2012 của UBND tỉnh	394,23		1,19	393,04	

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
5	Mở rộng khu dân cư xã Tri Hải, huyện Ninh Hải		1,69		1,69		
6	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Agritech	Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 29/11/2017; Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 11/12/2017	11,51			11,51	Đã thực hiện
7	Nhà máy chế biến tinh bột mì Fococv	Văn bản số 4277/UBND-KT ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh; Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh	27,50			27,50	Đang lập hồ sơ đánh giá hiện trạng rừng
8	Nhà máy nước sinh hoạt Ma Lâm, xã Phước Tiến, huyện Bác Ái	Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 08/11/2017	0,47		0,31	0,16	Đã thực hiện
X	Đất nông nghiệp giao về địa phương để lập kế hoạch sử dụng đất nhằm ổn định sản xuất cho người dân (24 xã)		4.118,66		387,06	3.731,60	
1	Xã Phước Đại, huyện Bác Ái		188,74			188,74	
2	Xã Phước Bình, huyện Bác Ái		42,35		5,05	37,30	
3	Xã Phước Chính, huyện Bác Ái		343,96		3,05	340,91	
4	Xã Phước Hòa, huyện Bác Ái		29,00		0,06	28,94	
5	Xã Phước Tân, huyện Bác Ái		387,28		0,04	387,24	
6	Xã Phước Thành, huyện Bác Ái		42,89		42,89		
7	Xã Phước Thảng, huyện Bác Ái		321,77			321,77	
8	Xã Phước Tiến, huyện Bác Ái		828,19		23,33	804,86	
9	Xã Phước Trung, huyện Bác Ái		37,16		4,37	32,79	

STT	Danh mục dự án	Văn bản pháp lý	Diện tích (ha)	Phân theo chức năng rừng			Ghi chú
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
10	Xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước		16,79			16,79	
11	Xã Phước Thái, huyện Ninh Phước		54,68			54,68	
12	Xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn		285,79		8,53	277,26	
13	Xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn		428,23		152,11	276,12	
14	Xã Ma Nởi, huyện Ninh Sơn		55,15			55,15	
15	Xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn		349,81		4,60	345,21	
16	Xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn		5,75		4,47	1,28	
17	Xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc		19,47		3,73	15,74	
18	Xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc		62,75			62,75	
19	Xã Phước Khang, huyện Thuận Bắc		52,70			52,70	
20	Xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam		134,34		0,46	133,88	
21	Xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam		312,55		104,28	208,27	
22	Xã Phước Hà, huyện Thuận Nam		89,22			89,22	
23	Xã Phước Minh, huyện Thuận Nam		3,14		3,14		
24	Xã Phước Nam, huyện Thuận Nam		26,95		26,95		

Phụ ghi: Tổng diện tích theo nhu cầu chuyển mục đích sử dụng lâm nghiệp giai đoạn 2016-2020: 6.429,47 ha; gồm 100 dự án và 24 xã, trong đó:

- Dự án đã thực hiện (07 dự án): 289,03 ha.
- Dự án chưa thực hiện (93 dự án): 2.021,78 ha, gồm:
 - + Dự án đang lập hồ sơ đánh giá hiện trạng rừng (10 dự án): 294,68 ha;
 - + Dự án chưa thực hiện (83 dự án): 1.727,10 ha.
- Diện tích đất nông nghiệp giao về cho địa phương để ổn định sản xuất nông nghiệp cho người dân (24 xã): 4.118,66 ha.